TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU T** **TỈNH TRÀVINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/DS-ST
Ngày: 04-5-2018
V/v tranh chấp hợp
đồng cầm cố tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU T TỈNH TRÀ VINH

-Với T phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Diệp H Tân
***Các Hội thẩm nhân dân*:**
-Ông Huỳnh Ngọc Song
-Ông Dương Văn Đến
***-Thư ký phiên toà*:** Bà Sơn Thị H Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu T.
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu T tham gia phiên tòa: Ông Cao Minh Dương, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2015/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2015 về tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXX-ST, ngày 13 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1981
Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
2. Bị đơn: Bà Nguyễn Phương T, sinh năm 1978
Ông H Văn V, sinh năm 1973
Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
Người đại diện hợp pháp của bà T, ông V ông Lâm Khắc S, sinh năm 1977, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28/12/2015 và ngày 07/01/2016)
Địa chỉ: số 34 Kiên Thị Nhẫn, khóm 1 phường 7, T phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1966

Địa chỉ: K, thị trấn T, huyện T Hồng, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/5/2015 và lời khai tại tòa bà Lê Thị Thu H là nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 20/7/2015, bà đến cửa hàng dịch vụ cầm đồ ký gởi T V làm hợp đồng ký gởi xe mô tô 02 bánh, nhãn hiệu HONDA, loại AIRBLADE, biển số kiểm soát: 84R1-0906, màu sơn; đỏ bạc đen với giá 10.000.000 đồng, thời hạn ký gởi một tháng (ngày 20/7/2015 đến 20/8/2015), lãi suất thỏa thuận 5%/tháng. Đến tháng 8/2015 bà đóng lãi cho bà T 500.000 đồng đúng theo thỏa thuận, do bà gặp khó khăn về kinh tế khi đóng lãi vợ cH bà T nói chuộc xe trễ vài ngày vẫn được vì là người hàng xóm.

Sau đó bà đến gặp ông V để chuộc lại xe có trễ 05 ngày, vợ cH ông V không cho bà chuộc lại xe với lý do đã quá hạn và nói đã bán chiếc xe cho người khác rồi, nếu muốn chuộc lại chiếc xe thì giá phải là 25.000.000 đồng mới cho chuộc.

Do xe không còn, bà H yêu cầu bà T, ông V trả lại cho bà giá trị chiếc xe là 25.000.000 đồng theo giá bà T ông V bán cho ông Nguyễn Chí T, bà H đồng ý trả lãi cho vợ cH ông V năm ngày (từ ngày 21/9/2015 đến 25/9/2015) bằng 83.000 đồng.

Ông Lâm Khắc S người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Gia đình ông V có kinh doanh dịch vụ ký gửi, cầm cố (dịch vụ cầm đồ T V), có đăng ký kinh doanh tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và được cấp giấy phép kinh doanh do bà Nguyễn Phương T đứng tên đại diện.

Ngày 20/7/2015 bà Lê Thị Thu H có mang một chiếc xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu HONDA, loại ARIBLADE, biển số kiểm soát: 84R1-0906, màu sơn đỏ bạc đen, đến dịch vụ cầm đồ T V ký gởi với số tiền 10.000.000 đồng, hai bên có ký hợp đồng cầm cố tài sản theo quy định.

Đến ngày 20/8/2015 bên ký gửi tài sản không đến chuộc xe hoặc không đóng lãi theo thỏa thuận là hết hạn. Ngày 16/9/2015 dịch vụ cầm đồ T V đã thanh lý tài sản trên cho ông Nguyễn Chí T cư ngụ khóm 2, thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh với giá 25.000.000 đồng.

Nay bà H yêu cầu chuộc lại tài sản đã ký gửi là chiếc xe mô tô hai bánh, với số tiền 10.000.000 đồng, bà T, ông V không đồng ý vì tài sản trên dịch vụ cầm đồ T V đã thanh lý xong, bà T ông V đồng ý hỗ trợ giá trị sử dụng còn lại của xe là 2.500.000 đồng, theo biên bản định giá tài sản ngày 09/4/2018.

Quan điểm của Kiểm sát viên về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Qua kiểm sát từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng tư cách pháp lý người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tống đạt các Văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định. Tuy nhiên còn vi phạm về mặt thời gian chuẩn bị xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự và người tham gia tố tụng.

Đối với nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên chấp hành đúng quy định quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai tại tòa của nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn và lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí T. Việc bà T, ông V bán xe mô tô nói trên là vi phạm hợp đồng ký gởi xe ngày 20/7/2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Phương T và ông H Văn V phải có trách nhiệm thanh toán lại phần giá trị chênh lệch của xe AIRBLADE cho bà Lê Thị Thu H 15.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Thu H trả cho bà T, ông V của 05 ngày trễ hạn là 83.000 đồng.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định.

Về tố tụng: Ông Nguyễn Chí T có đơn xin giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Vụ án tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu, không có thay đổi bổ sung, sửa chữa gì thêm.

Nhận thấy, ngày 20/7/2015, bà H có làm hợp đồng ký gởi xe mô tô 02 bánh nhãn hiệu HONDA, loại AIRBLADE, biển số kiểm soát: 84R1-0906 màu sơn đỏ bạc đen với dịch vụ ký gởi cầm đồ T V giá 10.000.000 đồng, thời hạn ký gởi một tháng (ngày 20/7/2015 đến 20/8/2015), lãi suất thỏa thuận 5%/ tháng, bà H đóng lãi cho bà T 500.000 đồng đúng theo thỏa thuận của hợp đồng, mặc dù bà H trả lãi

có trễ vài ngày nhưng bà T vẫn chấp nhận. Sau đó bà H đến chuộc xe lại bà T không thống nhất cho chuộc với lý do đã quá hạn, bà T thanh lý xe nói trên bằng hình thức bán xe cho ông Nguyễn Chí T giá 25.000.000 đồng, ông T bán xe lại cho một người khác tại T Phố Hồ Chí Minh không rõ tên địa chỉ giá 25.500.000 đồng.

Đối với ông Lâm Khắc S người đại diện hợp pháp của bị đơn nại ra cho rằng khi ký gởi xe hai bên có làm hợp đồng ghi rõ: "Nếu quá thời hạn 30 ngày, bên B không đến chuộc hoặc đóng lãi thì coi như bên B bỏ món đồ ký gửi, bên A có quyền bán hoặc hóa giá món đồ ký gửi trên".

Đến ngày 20/8/2015 là hết hạn bà H không chuộc xe và cũng không đóng lãi theo thỏa thuận xem như bà H đã bỏ chiếc xe. Ngày 16/9/2015 dịch vụ cầm đồ T V đã thanh lý chiếc xe nói trên bằng hình thức bán cho ông Nguyễn Chí T ở khóm 2, thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh giá 25.000.000 đồng. Nay bà T, ông V thống nhất hỗ trợ cho bà H giá trị sử dụng còn lại của xe là 2.500.000 đồng, theo biên bản định giá tài sản ngày 09/4/2018.

Xét lời nại ra và yêu cầu của ông Lâm Khắc S là không có căn cứ chấp nhận. Vì theo lời khai của bà T tại biên bản hòa giải ngày 13/9/2015 của Ban nhân dân ấp Cây Dương, bà T thừa nhận bà H có đóng lãi, mặc dù bà H trả lãi có trễ hạn 05 ngày nhưng bà T, ông V vẫn chấp nhận. Như vậy mặc nhiên bà T, ông V chấp nhận cho bà H gia hạn hợp đồng ký gởi xe thêm 30 ngày.

Sau đó bà H đến chuộc xe bà T, ông V không cho chuộc, với lý do trễ hạn, ngày 16/9/2015 bà T, ông V bán xe nói trên cho ông Nguyễn Chí T là vi phạm hợp đồng ký gởi xe ngày 20/7/2015.

Đối với ông Nguyễn Chí T mặc dù có đơn xin giải quyết vắng mặt, nhưng tại bản tự khai ngày 13/5/2016 và biên bản xác minh ngày 02/8/2017, ông T thừa nhận có mua xe của ông V, bà T giá 25.000.000 đồng có làm giấy tay, ngày 28/5/2017 ông đã bán xe lại cho một người khác ở T Phố Hồ Chí Minh, không rõ tên địa chỉ, ngoài ra ông T không có yêu cầu gì về vụ việc này.

Xét yêu cầu của bà H, yêu cầu bà T, ông V trả lại giá trị chiếc xe 25.000.000 đồng là phù hợp với giá trị thực tế của xe mà bà T, ông V đã bán xe cho ông T tại thời điểm ký gởi xe là có căn cứ để chấp nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà H tự nguyện trả cho ông V, bà T 05 ngày lãi trễ hạn là 83.000 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, hợp đồng ký gởi xe ngày 20/7/2015.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị Thu H.

Buộc bà Nguyễn Phương T và ông H Văn V phải có trách nhiệm thanh toán lại bằng giá trị của chiếc xe cho bà Lê Thị Thu H theo giá thực tế bà T, ông V đã

bán là 25.000.000 đồng, nhưng được trừ đi số tiền bà H nhận trước 10.000.000 đồng, số tiền còn lại bà T và ông V phải thanh toán cho bà H là 15.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Thu H tự nguyện trả cho bà T, ông V tiền lãi đóng trễ hạn 05 ngày là 83.000 đồng.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nội dung vụ án, phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Phương T và ông H Văn V phải nộp 750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí định giá tài sản: Bà Nguyễn Phương T và ông H Văn V phải chịu 600.000 đồng chi phí định giá tài sản.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các 164, 309, 310, 311, 312, 313, 314 Bộ luật Dân sự năm 2015

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị Thu H.

Tuyên xử: Buộc bà Nguyễn Phương T và ông H Văn V phải có trách nhiệm thanh toán lại bằng giá trị của chiếc xe mô tô 02 bánh nhãn hiệu HONDA, loại AIRBLADE, biển số kiểm soát: 84R1-0906 màu sơn đỏ bạc đen cho bà Lê Thị Thu H theo giá trị thực tế đã bán là 25.000.000 đồng, nhưng được trừ đi số tiền bà H nhận trước 10.000.000 đồng, số tiền còn lại bà T và ông V phải thanh toán cho bà H là 15.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Thu H tự nguyện trả cho bà T, ông V tiền lãi đóng trễ hạn 05 ngày là 83.000 đồng.

Về án phí: Bà Nguyễn Phương T và ông H Văn V phải nộp 750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Thu H được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 250.000 đồng, theo biên lai thu tiền số: 0000970 ngày 16/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu T.

Về chi phí định giá tài sản: Bà Nguyễn Phương T và ông H Văn V phải chịu 600.000 đồng chi phí định giá tài sản, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu T để hoàn trả lại cho bà Lê Thị Thu H.

Bà Lê Thị Thu H được hoàn trả lại số tiền định giá tài sản còn thừa 400.000 đồng tại Tòa án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn Chí T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để xin Tòa án cấp trên xét xử lại phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật
Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN

Nơi nhận:
TÒA
-TAND tỉnh Trà Vinh;
-VKSND huyện Châu T;
-THADS huyện Châu T;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

DIỆP H TÂN

Các Hội thẩm nhân dân | Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Song | Dương Văn Đến | Diệp H Tân